

Bản án số: 12/2023/HS-ST  
Ngày 07-8-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Chung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nông Văn Thắng

Ông Nông Đức Vượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐHS-ST, ngày 27/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Ninh Văn T, tên gọi khác: không có, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1993, tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Sán Chỉ; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn B, sinh năm 1965 và bà Ninh Thị M, sinh năm 1967; Vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 4 năm 2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2023 đến nay, có mặt.

2. Bị cáo Dương Hải N, tên gọi khác: không có, sinh ngày 26 tháng 7 năm 1994, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955 (đã chết); Vợ: Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1992; Con: 01 con sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/8/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy; đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 4 năm

2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2023 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu s, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Ông Lý Tiến Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Ông Trần Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã Ch, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

6. Ông Mai Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Ninh Văn T đến Khu n, thị trấn Đ, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thuê cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ "Vạn Tín 999" của Bé Văn S, sinh năm 1988, trú tại Khu b, thị trấn Đ, huyện Đình Lập để kinh doanh và cho vay lãi. Để thực hiện việc cho vay, Ninh Văn T thuê Dương Hải N giúp việc cho vay và thu tiền lãi, Ninh Văn T trả lương từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Khi người vay đặt vấn đề với Ninh Văn T hoặc Dương Hải N, tùy theo số tiền mà khách muốn vay, Ninh Văn T hoặc Dương Hải N sẽ xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế người vay để quyết định cho vay; Ninh Văn T, Dương Hải N yêu cầu người vay viết hợp đồng cho vay tiền theo mẫu in sẵn và tùy theo mối quan hệ quen biết có thể yêu cầu người vay cầm cố hoặc không cầm cố tài sản. Đối với những người vay đặt vấn đề trực tiếp với Dương Hải N thì Dương Hải N thông báo lại cho Ninh Văn T biết, nếu Ninh Văn T đồng ý sẽ đưa tiền để Dương Hải N đưa cho khách vay. Hình thức cho vay và thu lãi bằng tiền mặt, lãi suất từ 2.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, một tháng (tính 30 ngày) thu lãi một lần, việc tính lãi suất đối với người vay dựa trên số tiền vay gốc và theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tương ứng 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Với lãi suất Ninh Văn T và Dương Hải N tính cho những người vay tương ứng 182,5%/năm, vượt quá 09 lần mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2023, Ninh Văn T và Dương Hải N đã cho một số người vay tiền tính lãi suất cao như sau:

1. Cho Nguyễn Văn T vay: Ngày 08/8/2022, Nguyễn Văn T đến cửa hàng cầm đồ Vạn Tín 999 tại Khu n, thị trấn Đ, huyện Đình Lập gặp Ninh Văn T đặt vấn đề vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (182,5%/năm), một tháng trả lãi một lần là 3.000.000 đồng, Ninh Văn T yêu cầu Nguyễn Văn T viết hợp đồng vay tiền. Sau khi cho vay, Ninh Văn T giao lại hợp đồng cho Dương Hải Nam để thu tiền lãi. Đến ngày 13/9/2022, Nguyễn Văn T trả cho Dương Hải N được 35 ngày tiền lãi là 3.500.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ ngày} = 383.565 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $3.500.000 \text{ đồng} - 383.565 \text{ đồng} = 3.116.435 \text{ đồng}$ .

Ngày 22/8/2022, Nguyễn Văn T lại đặt vấn đề vay thêm 10.000.000 đồng với lãi suất như trên. Đến ngày 22/9/2022, Nguyễn Văn T trả được cho Dương Hải N 1.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 164.385 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $1.500.000 \text{ đồng} - 164.385 \text{ đồng} = 1.335.615 \text{ đồng}$ .

Ngày 22/9/2022, Ninh Văn T gộp 02 khoản vay lại thành 30.000.000 đồng và bắt đầu tính lãi từ ngày 22/9/2022. Sau đó, Nguyễn Văn T trả được một lần tiền lãi là 800.000 đồng. Đến ngày 22/3/2023, Nguyễn Văn T trả hết tiền gốc và trả tiền lãi là 5.000.000 đồng, đồng thời hủy giấy vay tiền. Từ ngày 22/9/2022 đến ngày 22/3/2023, Nguyễn Văn T trả lãi tổng cộng 5.800.000 đồng trong 06 tháng (180 ngày) tương đương với lãi suất 1.074 đồng/1.000.000 đồng/ngày (39,2%/năm).

Tổng số tiền Ninh Văn T thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Văn T vay tiền là  $(3.116.435 \text{ đồng} + 1.335.615 \text{ đồng}) = 4.452.050 \text{ đồng}$ . Anh Nguyễn Văn T đã trả toàn bộ nợ gốc cho bị cáo Ninh Văn T.

2. Cho Lý Tiến Đ vay: Ngày 22/9/2022, Lý Tiến Đ gặp Dương Hải N đặt vấn đề vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (182,5%/năm), một tháng trả lãi một lần là 4.500.000 đồng. Dương Hải N thông báo cho Ninh Văn T biết, Ninh Văn T đồng ý và đưa tiền cho Dương Hải N để cho Lý Tiến Đ vay. Dương Hải N hướng dẫn Lý Tiến Đ viết hợp đồng cho vay tiền trên mẫu in sẵn và yêu cầu viết số tiền vay là 34.500.000 đồng, bao gồm 30.000.000 đồng tiền vay gốc và số tiền thu lãi hàng tháng 4.500.000 đồng để tiện theo dõi khi thu tiền. Đến tháng 3/2023, Lý Tiến Đ đã trả cho Dương Hải N được 06 tháng (180 ngày) tiền lãi là 27.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc.

Số tiền lãi hợp pháp Ninh Văn T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 180 \text{ ngày} = 2.958.930 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $27.000.000 \text{ đồng} - 2.958.930 \text{ đồng} = 24.041.070 \text{ đồng}$ .

3. Cho Lương Thị Thu H vay: Ngày 25/10/2022, Lương Thị Thu H gọi điện đặt vấn đề vay Dương Hải N số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (182,5%/năm), một tháng trả lãi một lần 3.750.000 đồng, thỏa thuận trả lãi vào ngày 25 hằng tháng. Dương Hải N thông báo cho Ninh Văn T biết, Ninh Văn T đồng ý và đưa tiền cho Dương Hải N để cho Lương Thị Thu H vay. Sau đó Lương Thị Thu H đến cửa hàng cầm đồ Vạn Tín 999 để vay tiền và được Dương Hải N đưa cho Lương Thị Thu H 01 bản hợp đồng cho vay tiền, yêu

cầu điền thông tin và số tiền vay ghi trên giấy là 28.750.000 đồng, bao gồm 25.000.000 đồng tiền vay gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 3.750.000 đồng để tiện theo dõi khi thu tiền. Dương Hải N cắt lãi trước 01 tháng là 3.750.000 đồng, đưa cho Lương Thị Thu H số tiền 21.250.000 đồng. Đến ngày 25/3/2023, Lương Thị Thu H đã trả cho Dương Hải N 06 tháng (180 ngày) tiền lãi là 22.500.000 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc.

Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 25.000.000 \text{ đồng} \times 180 \text{ ngày} = 2.465.775 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $22.500.000 \text{ đồng} - 2.465.775 \text{ đồng} = 20.034.225 \text{ đồng}$ .

4. Cho Đặng Ngọc T vay: Ngày 25/10/2022, Đặng Ngọc T gặp Dương Hải N đặt vấn đề vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (182,5%/năm), một tháng trả lãi một lần 4.500.000 đồng, thỏa thuận trả lãi vào ngày 25 hằng tháng. Dương Hải N thông báo Ninh Văn T biết, Ninh Văn T đồng ý và đưa tiền cho Dương Hải N để cho Đặng Ngọc T vay. Dương Hải N đưa cho Đặng Ngọc T bản hợp đồng cho vay tiền, hướng dẫn điền thông tin và đưa cho Đặng Ngọc T số tiền 25.500.000 đồng, cắt lãi trước 01 tháng là 4.500.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T và Dương Hải N được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 493.155 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $4.500.000 \text{ đồng} - 493.155 \text{ đồng} = 4.006.845 \text{ đồng}$ .

Ngày 25/11/2022, Đặng Ngọc T đến gặp Dương Hải N đặt vấn vay thêm số tiền 10.000.000 đồng và viết lại hợp đồng vay tiền gộp cả hai khoản vay là 46.000.000 đồng, bao gồm 40.000.000 đồng tiền vay gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 6.000.000 đồng để tiện theo dõi khi thu tiền, thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả như trên, hàng tháng trả lãi 6.000.000 đồng. Đến ngày 25/3/2023, Đặng Ngọc T đã trả cho Nam 04 tháng (120 ngày) tiền lãi là 24.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc. Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T và Dương Hải N được hưởng đối với khoản vay này là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 40.000.000 \text{ đồng} \times 120 \text{ ngày} = 2.630.160 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $24.000.000 \text{ đồng} - 2.630.160 \text{ đồng} = 21.369.840 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền Ninh Văn T thu lợi bất chính từ việc cho Đặng Văn Tuyên vay tiền là  $(4.006.845 \text{ đồng} + 21.369.840 \text{ đồng}) = 25.376.685 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền Ninh Văn T thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Văn T, Lý Tiến Đ, Lương Thị Thu H và Đặng Ngọc T vay là  $(24.041.070 \text{ đồng} + 20.034.225 \text{ đồng} + 25.376.685 \text{ đồng} + 4.452.050 \text{ đồng}) = 73.904.030 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra, Ninh Văn T còn trực tiếp cho những người sau vay tiền nhưng không nói cho Dương Hải N biết, gồm:

1. Cho Trần Văn P vay: Ngày 01/4/2023, Trần Văn P vay Ninh Văn T 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ninh Văn T yêu cầu Trần Văn P viết hợp đồng vay tiền và ghi số tiền là 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 750.000 đồng để tiện theo dõi khi thu tiền và yêu cầu để lại Căn cước công dân, Trần Văn P nhận số tiền 4.250.000 đồng, cắt lãi trước một tháng là 750.000 đồng. Trần Văn P chưa thanh toán tiền vay gốc.

Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T được hưởng đối với khoản vay của Trần Văn P là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 82.193 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $750.000 \text{ đồng} - 82.192 \text{ đồng} = 667.807 \text{ đồng}$ .

2. Cho Mai Văn T vay: Ngày 02/4/2023, Mai Văn T vay Ninh Văn T 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ninh Văn T yêu cầu Mai Văn T viết hợp đồng vay tiền và ghi số tiền là 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 750.000 đồng để tiện theo dõi khi thu tiền và yêu cầu để lại Căn cước công dân, Mai Văn T nhận số tiền 4.250.000 đồng, cắt lãi trước một tháng là 750.000 đồng. Mai Văn T chưa thanh toán tiền vay gốc.

Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T được hưởng đối với khoản vay của Mai Văn T là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 82.193 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $750.000 \text{ đồng} - 82.192 \text{ đồng} = 667.807 \text{ đồng}$ .

3. Cho Hoàng Văn Th vay: Ngày 04/4/2023, Hoàng Văn Th vay Ninh Văn T 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ninh Văn T yêu cầu Hoàng Văn Th viết hợp đồng vay tiền và ghi số tiền là 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 750.000 đồng để tiện theo dõi khi thu tiền và yêu cầu để lại Căn cước công dân, Hoàng Văn Th nhận số tiền 4.250.000 đồng, cắt lãi trước một tháng là 750.000 đồng. Hoàng Văn Th chưa thanh toán tiền vay gốc.

Số tiền lãi hợp pháp mà Ninh Văn T được hưởng đối với khoản vay của Hoàng Văn Th là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 82.193 \text{ đồng}$ ; số tiền thu lợi bất chính là  $750.000 \text{ đồng} - 82.192 \text{ đồng} = 667.807 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền Ninh Văn T đã thu lợi bất chính từ việc cho Trần Văn P, Mai Văn T và Hoàng Văn Th vay là  $(667.807 \text{ đồng} + 667.807 \text{ đồng} + 667.807 \text{ đồng}) = 2.003.421 \text{ đồng}$ .

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Văn T khai: Ngày 08/8/2022 vay Ninh Văn T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, một tháng trả lãi một lần là 3.000.000 đồng. Đến ngày 13/9/2022, Nguyễn Văn T trả cho Dương Hải N được 35 ngày tiền lãi là 3.500.000 đồng. Ngày 22/8/2022, Nguyễn Văn T lại vay Ninh Văn T thêm 10.000.000 đồng với lãi suất như trên. Đến ngày 22/9/2022, Nguyễn Văn T trả được cho Dương Hải N 1.500.000 đồng tiền lãi. Ngày 22/9/2022, Ninh Văn T gộp 02 khoản vay lại thành 30.000.000 đồng và bắt đầu tính lãi từ ngày 22/9/2022. Sau đó, Nguyễn Văn T trả được một lần tiền lãi là 800.000 đồng. Đến ngày 22/3/2023, Nguyễn Văn T trả hết tiền gốc và trả tiền lãi là 5.000.000 đồng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Lý Tiến Đ khai: Ngày 22/9/2022 gặp Dương Hải N vay số tiền 30.000.000 đồng, một tháng trả lãi một lần là 4.500.000 đồng. Dương Hải N hướng dẫn Lý Tiến Đức viết hợp đồng cho vay

tiền trên mẫu in sẵn và yêu cầu viết số tiền vay là 34.500.000 đồng, bao gồm 30.000.000 đồng tiền vay gốc và số tiền thu lãi hàng tháng 4.500.000 đồng. Đến tháng 3/2023, Lý Tiến Đ đã trả cho Dương Hải N được 06 tháng (180 ngày) tiền lãi là 27.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Lương Thị Thu H khai: Ngày 25/10/2022 gọi điện đặt vấn đề vay Dương Hải N số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, một tháng trả lãi một lần 3.750.000 đồng. Sau đó Lương Thị Thu H đến cửa hàng cầm đồ Vạn Tín 999 để vay tiền và được Dương Hải N đưa cho Lương Thị Thu H 01 bản hợp đồng cho vay tiền, yêu cầu điền thông tin và số tiền vay ghi trên giấy là 28.750.000 đồng, bao gồm 25.000.000 đồng tiền vay gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 3.750.000 đồng. Dương Hải N cắt lãi trước 01 tháng là 3.750.000 đồng, đưa cho Lương Thị Thu H số tiền 21.250.000 đồng. Đến ngày 25/3/2023, Lương Thị Thu H đã trả cho Dương Hải N 06 tháng (180 ngày) tiền lãi là 22.500.000 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Đặng Ngọc T khai: Ngày 25/10/2022, gặp Dương Hải N vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, một tháng trả lãi một lần 4.500.000 đồng, thỏa thuận trả lãi vào ngày 25 hằng tháng. Dương Hải N đưa cho Đặng Ngọc T bản hợp đồng cho vay tiền, hướng dẫn điền thông tin và đưa cho Đặng Ngọc T số tiền 25.500.000 đồng, cắt lãi trước 01 tháng là 4.500.000 đồng. Ngày 25/11/2022, Đặng Ngọc T tiếp tục đến gặp Dương Hải N vay thêm số tiền 10.000.000 đồng và viết lại hợp đồng vay tiền gộp cả hai khoản vay là 46.000.000 đồng, bao gồm 40.000.000 đồng tiền vay gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 6.000.000 đồng. Đến ngày 25/3/2023, Đặng Ngọc T đã trả cho Nam 04 tháng (120 ngày) tiền lãi là 24.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền vay gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Trần Văn P khai: Ngày 01/4/2023, Trần Văn P vay Ninh Văn T 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ninh Văn T yêu cầu Trần Văn P viết hợp đồng vay tiền và ghi số tiền là 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 750.000 đồng, Trần Văn P nhận số tiền 4.250.000 đồng, cắt lãi trước một tháng là 750.000 đồng. Trần Văn P chưa thanh toán tiền vay gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Mai Văn T khai: Ngày 02/4/2023, Mai Văn T vay Ninh Văn T 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ninh Văn T yêu cầu Mai Văn T viết hợp đồng vay tiền và ghi số tiền là 5.750.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 750.000 đồng, Mai Văn T nhận số tiền 4.250.000 đồng, cắt lãi trước một tháng là 750.000 đồng. Mai Văn T chưa thanh toán tiền vay gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Hoàng Văn Th khai: Ngày 04/4/2023, Hoàng Văn Th vay Ninh Văn T 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng trả lãi 750.000 đồng. Ninh Văn T yêu cầu Hoàng Văn Th viết hợp đồng vay tiền và ghi số tiền là 5.750.000 đồng, gồm

5.000.000 đồng tiền gốc và số tiền thu lãi hàng tháng là 750.000 đồng, Hoàng Văn Th nhận số tiền 4.250.000 đồng, cắt lãi trước một tháng là 750.000 đồng. Hoàng Văn Th chưa thanh toán tiền vay gốc.

Bản cáo trạng số: 74/CT-VKSLS-P1 ngày 23/6/2023 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố. Số tiền thu lợi bất chính có bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N cùng tham gia là 73.904.030 đồng. Ngoài ra Ninh Văn T còn tự mình cho 03 người cư trú trên địa bàn huyện Đình Lập vay tiền với lãi suất 182,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 2.003.421 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Ninh Văn T phải chịu trách nhiệm là 75.907.451 đồng và Dương Hải N là 73.904.030 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 50 và 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ninh Văn T. Đề nghị xử phạt bị cáo Ninh Văn T từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với số tiền từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 50 và 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Hải N. Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Hải N từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với số tiền từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: Trả lại cho Nguyễn Văn T 4.452.050 đồng. Trả lại cho Lý Tiến Đ 24.041.070 đồng. Trả lại cho Lương Thị Thu H 20.034.225 đồng. Trả lại cho Đặng Ngọc T 25.376.685 đồng. Trả lại cho Trần Văn P 667.807 đồng. Trả lại cho Mai Văn T 667.807 đồng. Trả lại cho Hoàng Văn Th 667.807 đồng. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền gốc bị cáo Ninh Văn T cho vay 140.000.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội, trong đó: Buộc bị cáo Ninh Văn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Tiến Đ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị Thu H phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 25.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Ngọc T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 40.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn P phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Th phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Truy thu của bị cáo Ninh Văn T tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay với số tiền là

9.342.549 đồng. Truy thu của bị cáo Dương Hải N số tiền công do phạm tội mà có từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 là 8 tháng x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo Ninh Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, số IMEI 353923103162083, máy đã qua sử dụng và số tiền 11.050.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu của bị cáo Dương Hải N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 343582155496774 và số seri 2: 35348215796772. Trả lại giấy tờ tùy thân không liên quan đến việc phạm tội. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng các bị cáo không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng một số người đã có đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, một số người được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2023, Ninh Văn T, Dương Hải N có hành vi cho Nguyễn Văn T, Lý Tiến Đ, Lương Thị Thu H, Đặng Ngọc T vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá 09 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015; tổng số tiền Ninh Văn T và Dương Hải N đã thu lợi bất chính từ việc cho những người trên vay tiền là 73.904.030 đồng; trong đó Ninh Văn T là người cung cấp tiền để cho vay và chỉ đạo Dương Hải N cho vay, thu tiền lãi. Ngoài ra Ninh Văn T còn tự mình cho 03 người cư trú trên địa bàn huyện Đình Lập vay tiền với lãi suất 182,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 2.003.421 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Ninh Văn T phải chịu trách nhiệm là 75.907.451 đồng và Dương Hải N là 73.904.030 đồng. Khi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm trục lợi cho bản thân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Ninh

Văn T và Dương Hải N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này có 02 người thực hiện hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, từng bị cáo có vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội khác nhau, cụ thể: Bị cáo Ninh Văn T là người khởi xướng, bỏ tiền ra cho vay, thuê Dương Hải N giúp tìm người vay, thực hiện việc cho vay thu tiền lãi và nợ gốc; đồng thời Ninh Văn T là người quyết định việc sử dụng tiền thu lợi từ việc cho vay và tự mình thực hiện cho một số người khác vay nên có vai trò chính quyết định. Bị cáo Dương Hải N được Ninh Văn T thuê đã tích cực tìm người vay, nhận tiền từ Ninh Văn T, trực tiếp thỏa thuận lãi suất và hướng dẫn người vay ký hợp đồng, thu tiền lãi và nợ gốc cho Ninh Văn T để được nhận tiền công mỗi tháng 2.000.000 đồng nên bị cáo Dương Hải N có vai trò giúp sức tích cực, thấp hơn bị cáo Ninh Văn T. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm trước pháp luật. Để có hình phạt thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Về nhân thân: Đối với bị cáo Ninh Văn T chưa bị pháp luật xử lý nên xác định có nhân thân tốt, lần phạm tội là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với Dương Hải N, Tại bản án hình sự số 240/2011/HSST, ngày 23/8/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong, được đương nhiên xóa án tích nhưng không được coi là có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cả hai bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Ninh Văn T lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính đối với các bị cáo: Kết quả xác minh tài sản thu nhập các bị cáo thể hiện các bị cáo không có tài sản và không có thu nhập ổn định, nếu áp dụng hình phạt chính là phạt tiền với số tiền lớn sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ đối với cả hai bị cáo để đảm bảo răn đe phòng ngừa đối với loại tội phạm này và có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Phạt cải tạo không giam giữ, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương không gây ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng

chống đối với loại tội phạm này, do các bị cáo là người lao động không có việc làm ổn định, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ. Hai bị cáo được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, tuy xác minh không có tài sản thu nhập ổn định, nhưng đối với loại tội phạm này theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ninh Văn T số tiền 40.000.000 đồng; Dương Hải N số tiền 30.000.000 đồng.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu số tiền gốc bị cáo Ninh Văn T cho vay 140.000.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội, trong đó: Buộc bị cáo Ninh Văn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Tiến Đ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị Thu H phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 25.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Ngọc T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 40.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn P phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Th phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng. Truy thu của bị cáo Ninh Văn T tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay với số tiền là 9.342.549 đồng. Truy thu của bị cáo Dương Hải N số tiền công do phạm tội mà có từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 là 8 tháng x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Ninh Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, số IMEI 353923103162083, máy đã qua sử dụng và trả lại số tiền 11.050.000 đồng vì không dùng vào việc phạm tội. Trả giấy tờ tùy thân cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: Trả lại cho Nguyễn Văn T 4.452.050 đồng. Trả lại cho Lý Tiến Đ 24.041.070 đồng. Trả lại cho Lương Thị Thu H 20.034.225 đồng. Trả lại cho Đặng Ngọc T 25.376.685 đồng. Trả lại cho Trần Văn P 667.807 đồng. Trả lại cho Mai Văn T 667.807 đồng. Trả lại cho Hoàng Văn Th 667.807 đồng.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập về tội danh, loại hình phạt, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng; bị cáo Ninh Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền còn phải trả là 75.907.451 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Số tiền án phí giá ngạch bị cáo Ninh Văn T phải chịu là 3.795.372 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[12] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 50 và 58; khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ninh Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 50 và 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Hải N.

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 357, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ninh Văn T và Dương Hải N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Ninh Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ninh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Ninh Văn T số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Dương Hải N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo

không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Dương Hải N cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Hải N số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

### 3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu của bị cáo Dương Hải N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 343582155496774 và số seri 2: 35348215796772 đã qua sử dụng.

*(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2023).*

3.2. Truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước tiền lãi hợp pháp của bị cáo Ninh Văn T số tiền 9.342.549 (chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi chín) đồng.

3.3. Truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền do phạm tội mà có của bị cáo Dương Hải N số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

3.4 Truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay vay 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, trong đó:

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng

- Buộc anh Lý Tiến Đ phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng

- Buộc chị Lương Thị Thu H phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 25.000.000 (hai mươi năm triệu) đồng

- Buộc anh Đặng Ngọc T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng

- Buộc anh Trần Văn P phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng

- Buộc anh Mai Văn T phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng

- Buộc anh Hoàng Văn Th phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

### 3. 5. Trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

Trả lại cho bị cáo Ninh Văn T số tiền 11.050.000 (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*(Số tiền trên theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004202 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn).*

Trả lại cho bị cáo Ninh Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, số IMEI 353923103162083, máy đã qua sử dụng.

Trả lại cho anh Mai Văn T 01 Căn cước công dân số 020091000692, mang tên Mai Văn T;

Trả lại cho anh Hoàng Văn Th 01 Căn cước công dân số 020089000876, mang tên Hoàng Văn Th;

Trả lại cho anh Trần Văn P 01 Căn cước công dân số 020081008599, mang tên Trần Văn P.

*(Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2023).*

4. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn T 4.452.050 (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi) đồng.

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho anh Lý Tiến Đ 24.041.070 (hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm bảy mươi) đồng.

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho chị Lương Thị Thu H 20.034.225 (hai mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn hai trăm hai mươi năm) đồng.

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho anh Đặng Ngọc T 25.376.685 (hai mươi năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi năm) đồng.

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho anh Trần Văn P 667.807 (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh bảy) đồng.

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho anh Mai Văn T 667.807 (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh bảy) đồng.

- Buộc bị cáo Ninh Văn T phải trả lại cho anh Hoàng Văn Th 667.807 (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh bảy) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 5. Án phí:

Buộc bị cáo Dương Hải N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Ninh Văn Thắng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 3.795.372 (ba bảy trăm chín mươi năm nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng) đồng, tổng cộng bị cáo Ninh Văn T phải chịu 3.995.372 (ba chín trăm chín mươi năm nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng) án phí để sung Ngân sách Nhà nước.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy

định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Chung**